

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày: 30/10/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Kim
- Ông Đường Thanh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Huỳnh Văn T, sinh năm 1980; Tên gọi khác: không. Nơi cư trú: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Huỳnh Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1956. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Phương T2 (đã ly hôn); Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019.

- Tiền án: không.

- Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/8/2024 đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

Bị hại: Bà Lê Thị N, sinh năm 1964; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: [ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

Người làm chứng:

- Chị [Lữ Thị Diễm T3](#), sinh năm 2002; (vắng mặt)

Nơi cư trú: [ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

- Bà [Nguyễn Thị Y](#), sinh năm 1956; (có mặt)

Nơi cư trú: [ấp G, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/7/2024, [Huỳnh Văn T](#) đi bộ từ quán cà phê [Lan A](#) đến ngã Ba Bền đón xe đi tỉnh Bình Dương tìm việc làm. Khi đi đến quầy thuốc tây An Nhiên gần ngã Ba Bền thuộc [khu phố P, thị trấn P, huyện M](#) thì [T](#) phát hiện xe mô tô biển số 71S1-7170 của bà [Lê Thị N](#), sinh năm 1964, cư trú: [ấp T, xã T, huyện M](#) dựng trên lộ sát lề phải, trên xe có gắn chìa khóa không người trông coi. [T](#) nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô này làm phương tiện đi lại nên đến vị trí xe mô tô mở khóa và khởi động xe mô tô chạy về hướng [xã T, huyện M](#); [T](#) tiếp tục điều khiển xe mô tô về [xã V, huyện C](#) để về nhà tại [ấp G, xã H, huyện M](#). Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, [T](#) điều khiển xe mô tô về hướng Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến địa phận [xã T, huyện B, tỉnh Long An](#) thì bị [Công an xã T](#) tuần tra phát hiện, lập biên bản bàn giao [T](#) và xe mô tô cho [Công an huyện M](#).

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 71S1-7170 nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu xanh, số máy: HC09E-0643281, số khung: HC090934-643191 (thuộc sở hữu của bà [Lê Thị N](#), đã trả).

- 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng, phía dưới có chữ “HONDA”, phía sau có chữ “DNTN Đức Toàn 02723841291”; 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn màu đen; 01 áo khoác màu đen tay dài, phía sau lưng có chữ “LASHEFHOP” màu trắng và 01 quần jean dài màu xanh, túi quần sau bên phải có chữ “NICEUOMO” (thuộc sở hữu của [Huỳnh Văn T](#), đã trả).

- 01 đĩa DVD trích từ Camera của quầy thuốc tây An Nhiên ghi lại vụ việc [Huỳnh Văn T](#) lấy trộm xe mô tô của bà [Lê Thị N](#).

Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐG ngày 15/7/2024 của Hội đồng định giá [huyện M](#) kết luận: 01 xe mô tô biển số 71S1-7170 nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu xanh, số máy: HC09E-0643281, số khung: HC090934-643191 (đã qua sử dụng), giá 6.500.000 đồng.

Phần dân sự: bị hại [Lê Thị N](#) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSMCB ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố bị cáo [Huỳnh Văn T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [Công an huyện M](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo [Huỳnh Văn T](#) thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với mục đích tư lợi bất chính nên khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09/7/2024 tại [khu phố P, thị trấn P, huyện M](#), [Huỳnh Văn T](#) đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 71S1-7170 nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu xanh của bà [Lê Thị N](#), trị giá 6.500.000 đồng.

Vì vậy, Cáo trạng số 42/CT-VKSMCB ngày 01/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc truy tố bị cáo [Huỳnh Văn T](#) về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật;

[3] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại. Khi thực hiện hành vi của mình bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, mong muốn có được tài sản của người khác nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy bị cáo phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo [Huỳnh Văn T](#) không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn do tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị cáo có cha [Huỳnh Văn T1](#) là thương binh hạng 4/4, bà nội [Trần Thị H](#), bà ngoại [Nguyễn Thị B](#) là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, mong muốn có được tài sản của người khác không qua lao động chân chính nên bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với trị giá tài sản chiếm đoạt là 6.500.000 đồng. Điều này chứng tỏ bị cáo không có ý thức chấp hành quy định của pháp luật, thể hiện tính xem thường pháp luật. Tuy nhiên, thấy rằng bị cáo [Huỳnh Văn T](#) là người có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo thừa nhận mình vì lòng tham, mong muốn chiếm đoạt tài sản của bị hại với mục đích để có phương tiện đi lại. Thấy rằng hiện nay, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, để đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng và góp phần giáo dục bị cáo thành công dân tốt thì vẫn phải

áp dụng hình phạt tù với bị cáo nhưng không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục bị cáo.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: do hiện nay bị cáo không có thu nhập ổn định nên thấy rằng nếu áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo cũng không có khả năng thi hành án nên không áp dụng.

[9] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra [Công an huyện M](#) đã trả tài sản cho:

- Bà [Lê Thị N](#): 01 xe mô tô biển số 71S1-7170 nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu xanh, số máy: HC09E-0643281, số khung: HC090934-643191 (thuộc sở hữu của bà [N](#)).

- Bị cáo [Huỳnh Văn T](#) 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng, phía dưới có chữ “HONDA”, phía sau có chữ “DNTN Đức Toàn 02723841291”; 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn màu đen; 01 áo khoác màu đen tay dài, phía sau lưng có chữ “LASHEFHOP” màu trắng và 01 quần jean dài màu xanh, túi quần sau bên phải có chữ “NICEUOMO” (thuộc sở hữu của bị cáo).

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD trích từ Camera của quầy thuốc tây An Nhiên ghi lại vụ việc [Huỳnh Văn T](#) lấy trộm xe mô tô của bà [Lê Thị Na](#).

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại [Lê Thị N](#) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về trách nhiệm hình sự:

[1.1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo [Huỳnh Văn T](#) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1.2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo [Huỳnh Văn T](#) 09 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, định thời gian thử thách đối với bị cáo là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/10/2024.

Giao bị cáo [Huỳnh Văn T](#) cho [Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre](#) là nơi bị cáo [Huỳnh Văn T](#) cư trú giám sát giáo dục bị cáo trong suốt thời gian chấp hành thử thách.

Trường hợp trong thời gian thử thách nếu bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự và cũng trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về áp dụng hình phạt bổ sung: không áp dụng.

[3]. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả tài sản cho:

- Bà [Lê Thị N](#): 01 xe mô tô biển số 71S1-7170 nhãn hiệu HONDA, loại WAVE màu xanh, số máy: HC09E-0643281, số khung: HC090934-643191 (thuộc sở hữu của bà [N](#)).

- Bị cáo [Huỳnh Văn T](#) 01 nón bảo hiểm màu đỏ trắng, phía dưới có chữ “HONDA”, phía sau có chữ “DNTN Đức Toàn 02723841291”; 01 áo thun cổ tròn, tay ngắn màu đen; 01 áo khoác màu đen tay dài, phía sau lưng có chữ “LASHEFHOP” màu trắng và 01 quần jean dài màu xanh, túi quần sau bên phải có chữ “NICEUOMO” (thuộc sở hữu của bị cáo).

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD trích từ Camera của quầy thuốc tây An Nhiên ghi lại vụ việc [Huỳnh Văn T](#) lấy trộm xe mô tô của bà [Lê Thị Na](#).

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại [Lê Thị N](#) đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc bị cáo [Huỳnh Văn T](#) phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ cày Bắc;
- Công an huyện Mỏ cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ cày Bắc;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Hưng Khánh Trung A;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Thanh Minh